

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 05/2020/DS - ST

Ngày: 12/6/2020.

*“V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trương Công Chự;
+ Ông Bùi Hữu Nghĩa.
- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 149/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS, ngày 27/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 26/5/2020, giữa:

-Nguyên đơn: Ngân hàng H

Địa chỉ: 25 Bis K, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 25 Bis, K, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Giám đốc T tâm kiêm Trưởng phòng xử lý nợ. Văn bản ủy quyền số 272/2019/QĐ-TGD ngày 21/02/2019.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Bà Hoàng Thị Thanh T, địa chỉ: số 519 Đ, phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Khánh L, địa chỉ: HG, Ki ốt 1, 2, 3, 4 số 01 đường Đ, Thành phố P, tỉnh Gia Lai. Là Nhân viên xử lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 435/2019/UQ-HDBANK-GĐ.TTXLN ngày 18/10/2019.

(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Lê Khắc T, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Khánh L trình bày:

Giữa Ngân hàng H – Chi nhánh Gia Lai (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng H) và vợ chồng ông Lê Khắc T và bà Vũ thị H ở thôn T, xã P, huyện P, Gia Lai đã ký “Hợp đồng hợp đồng tín dụng hạn mức số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017. Theo đó ông T, bà H vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Thời gian vay vốn 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay; Ngày đến hạn: 15/6/2019; Lãi suất vay 10,5 %, được điều chỉnh 3 tháng/ lần; Mục đích vay: Bổ sung vốn trồng trọt. Tổng số tiền là: 1.089.286.743 đồng. Trong đó nợ gốc là 999.999.570 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020 là: 228.146.990 đồng.

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên ông T và bà H đã ký kết thế chấp cho Ngân hàng H tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, diện tích 22.668, 1m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 359292 do UBND huyện P cấp ngày 23/12/2013; Thửa đất số 10a.8, tờ bản đồ số 3, diện tích 10106m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 434067 do UBND huyện P cấp ngày 18/3/2013. Theo hợp đồng thế chấp số 6761/17/HĐBĐ-170 ngày 24/5/2017 được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 24/5/2017.

Do ông T, bà H không trả được gốc, lãi khi đến hạn theo các thoả thuận, cam kết trong các hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Như vậy, ông, bà đã vi phạm các nội dung thoả thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng và có thái độ thiếu thiện chí hợp tác trả nợ với Ngân hàng H. Căn cứ vào các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng và hợp đồng thế chấp giữa hai bên. Nay Ngân hàng H khởi kiện ông Lê Khắc T và bà Vũ Thị H tại Toà án. Đề nghị Toà án giải quyết buộc ông T, bà H thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng H tổng số tiền là: 1.228.146.990 đồng. Trong đó nợ gốc là 999.999.570 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/06/2020 là: 228.147.420 đồng

và lãi phát phát sinh cho đến ngày thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng H theo lãi suất của các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp ông T và bà H không thanh toán được số nợ trên thì Ngân hàng Phát Triển đề nghị xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp số 6761/17/HĐBĐ-170 ngày 24/5/2017 được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 24/5/2017 nêu trên để thu hồi nợ cùng các khoản chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa hai bên. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Đối với bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Điều lệ Ngân hàng H (Bản sao); Hợp đồng tín dụng hạn mức số 7459/17/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017 (Bản sao); Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 15/6/2018 (Bản sao); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6761/17/HĐBĐ-170 ngày 24/5/2017 (Bản sao); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/5/2017 (Bản sao); Hai Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất (bản sao); Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 07/8/2019 (Bản chính); Quyết định số 272/2019/QĐ-TGD ngày 21/02/2019 (Bản phô tô); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao); Giấy ủy quyền (bản chính); Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao).

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Bản tự khai; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, bị đơn ông Lê Khắc T, và bà Vũ Thị H thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 466, 470 401, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc ông Lê Khắc T và bà Vũ Thị H liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

Tiền gốc là 999.999.570 đồng:

Tiền lãi và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo quy định.

Đối với án phí và chi phí thẩm định tại chỗ: buộc ông Lê Khắc T và bà Vũ Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về việc thẩm định tại chỗ theo quy định và trả lại số tiền 8.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng H đã tạm ứng theo giấy thu tiền ngày 03/10/2019 của Toà án nhân dân huyện P

Trường hợp ông T, bà H không trả được nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

-Về thủ tục thụ lý vụ án và thẩm quyền giải quyết: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn có địa chỉ thường trú tại Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Ngân hàng H khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện P. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn phù hợp theo quy định nên được Toà án chấp nhận.

-Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng H khởi kiện ông Lê Khắc T và bà Vũ Thị H đề nghị Toà án giải quyết buộc ông T, bà H phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó Toà án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vắng mặt. Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Toà án để làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa Ngân hàng H và vợ chồng ông Lê Khắc T và bà Vũ thị H ở thôn T, xã P, huyện P, Gia Lai đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017. Tổng cộng, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng. Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ĐNGN-KUNN/CN/02 ngày 15/6/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm

dân sự. Hợp đồng các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 7459/17/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/6/2018 là có cơ sở để xác định ông T, bà H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng H

Theo điểm b Mục I của Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ĐNGN-KUNN/CN/02 ngày 15/6/2018 thì thời hạn vay số tiền 1.000.000.000 đồng là 12 tháng từ ngày 16/6/2018 đến ngày 15/6/2019. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết. Tuy nhiên, khi kết thúc thời hạn cho vay vào ngày 15/6/2019, nhưng ông T, bà H không trả nợ gốc, lãi cho nguyên đơn. Do đó, Ngân hàng H khởi kiện bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ là phù hợp với thỏa thuận của hai bên quy định tại khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng hạn mức và Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông T, bà H còn nợ Ngân hàng H tổng số tiền 1.228.146.990 đồng trong đó nợ gốc là: 999.999.570 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020 là: 228.147.420 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền: 1.228.146.990 đồng, trong đó nợ gốc là: 999.999.570 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020 là: 228.147.420 đồng và lãi tiếp tục tính từ ngày 13/6/2020 cho đến khi bị đơn trả hết số tiền trên theo lãi suất đã ký kết là có cơ sở phù hợp với Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017 và phù hợp với Điều 91 Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, diện tích 22.668, 1m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 359292 do UBND huyện P cấp ngày 23/12/2013; Thửa đất số 10a.8, tờ bản đồ số 3, diện tích 10106m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 434067 do UBND huyện P cấp

ngày 18/3/2013. Theo hợp đồng thế chấp số 6761/17/HĐBĐ-170 ngày 24/5/2017 được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 24/5/2017.

Hợp đồng thế chấp trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được Phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai công chứng theo quy định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 298, 317, 401 Bộ luật dân sự. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, diện tích 22.668, 1m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 359292 do UBND huyện P cấp ngày 23/12/2013; Thửa đất số 10a.8, tờ bản đồ số 3, diện tích 10106m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 434067 do UBND huyện P cấp ngày 18/3/2013 được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng H theo quy định tại các Điều 299, 320, 323 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật: $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 428.146.990 \text{ đồng})] = 48.844.410 \text{ đồng}$ (Bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm mười đồng)

Hoàn lại cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về Chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bị đơn ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng H 4.900.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 và 463 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng H

- Buộc ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H có nghĩa vụ chung trả cho H tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/6/2020 là 1.228.146.990 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi đồng) trong đó nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017 là 999.999.570 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn năm trăm bảy mươi đồng), lãi phát sinh là 228.147.420 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi đồng).

- Trong trường hợp ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H không trả đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 7459/HĐTDHM-CN/170 ngày 24/5/2017 cho H thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp được xác định theo Theo hợp đồng thế chấp số 6761/17/HĐBĐ-170 ngày 24/5/2017 giữa Ngân hàng H – Chi nhánh Gia lai và ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 24/5/2017, gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23, diện tích 22.668, 1m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 359292 do UBND huyện P cấp ngày 23/12/2013; Thửa đất số 10a.8, tờ bản đồ số 3, diện tích 10106m². Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 434067 do UBND huyện P cấp ngày 18/3/2013

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H có nghĩa vụ chung trả liền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng

- Về án phí: Buộc ông ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H có nghĩa vụ chung chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.844.410 đồng (Bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm mười đồng).

Ngân hàng H không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng H số tiền 22.339.301 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm lẻ một đồng*) theo biên lai số 0000462 ngày 05/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bị đơn ông Lê Khắc T, bà Vũ Thị H phải có nghĩa vụ chung trả cho Ngân hàng H **4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.**

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng

